

Bản án số: 39/2018/ HN-ST

Ngày: 26-02-2018

“V/v Ly hôn giữa anh D và chị T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

*- Thư ký phiên tòa: Ông **PHẠM MINH TÂN** - Thư ký tòa án.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Không có tham gia.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 674/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hoài D**, sinh năm 1987.*

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987.*

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh D xin vắng mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải anh **Nguyễn Hoài D** trình bày:*
Anh và chị T do quen biết tình hiểu nhau trước nên tiến đến hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn cãi nhau trầm trọng và ly thân đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không còn tình cảm.

Con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 27/02/2012 hiện đang sống cùng chị T.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Con chung giao chị T nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- **Bị đơn chị Nguyễn Thị T tại tờ tự khai, biên bản hòa giải trình bày:** Chị thống nhất với lời trình bày của anh D về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn và xin thời gian 02 tháng để suy nghĩ và tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Ngày 26/01/2018 anh D có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bận đi làm. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét vắng mặt các đương sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh D và chị T tiến đến hôn nhân năm 2012 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước nhưng sau khi cưới nhau anh chị chỉ chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ cuối năm 2016 đến nay không ai qua lại với ai hay tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải giữa 02 bên, Tòa án cũng tạo điều kiện về thời gian để anh chị tìm cách giải quyết những bất đồng mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả, phía anh D vẫn kiên quyết ly hôn vì tình cảm không còn. Cũng theo xác nhận của Ban quản lý ấp A, xã B thì anh D và chị T “có 01 con chung và đã ly thân từ lâu do có mâu thuẫn và đã thuận tình với nhau là ly hôn. Đương sự D đã có bạn mới sống tại địa phương” con chung đang sống cùng mẹ. Từ đó chứng tỏ anh chị không thiết tha đoàn tụ với nhau nữa, tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, quan hệ hôn nhân thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho anh D được ly hôn chị T là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 27/02/2012 hiện đang sống cùng chị T từ lúc ly thân. Tuy anh D, chị T vắng mặt trong phiên tòa xét xử nhưng trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh D đồng ý để con chung cho chị T nuôi dưỡng khi ly hôn. Xét thấy con chung được chị T nuôi dưỡng từ lúc anh chị ly thân đến nay cháu vẫn được đi học và phát triển bình thường, anh D không có ý kiến gì về việc chị T nuôi con chung nếu anh chị ly hôn. Do đó để tránh xáo trộn tâm sinh lý của con chung Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 27/02/2012 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, còn chị T không có ý kiến gì. Xét thấy đây là sự tự nguyện và cũng là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận và chịu án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 107, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện của anh Nguyễn Hoài D.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Hoài D được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 27/02/2012. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh D chậm thực hiện nghĩa vụ tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Anh Nguyễn Hoài D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST và 300.000đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07508 ngày 11/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên phải nộp tiếp 300.000đồng.

5. Về thời hạn kháng cáo: Anh D, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

